

Số: 1886/KL-TTr

Điện Biên, ngày 30 tháng 12 năm 2025

KẾT LUẬN THANH TRA

**Trách nhiệm việc thực hiện chính sách, pháp luật và
nhiệm vụ, quyền hạn giai đoạn 2022-2024 tại Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên**

Thực hiện Quyết định số 287/QĐ-TTr ngày 29/10/2025 của Chánh Thanh tra tỉnh về thanh tra trách nhiệm thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn giai đoạn 2022-2024 tại Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên, từ ngày 12/11/2025 đến ngày 24/12/2025, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 26/12/2025 của Trưởng Đoàn thanh tra.

Chánh Thanh tra tỉnh kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: Tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương, địa giới đơn vị hành chính; cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; cải cách hành chính; hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức phi chính phủ; thi đua, khen thưởng; văn thư, lưu trữ nhà nước; thanh niên; lao động, tiền lương; việc làm; bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bình đẳng giới và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên có 10 phòng, ban, đơn vị trực thuộc, gồm: Phòng Công chức, viên chức; Phòng Cải cách hành chính và Văn thư, lưu trữ; Phòng Tổ chức, Biên chế và Tổ chức phi chính phủ; Văn phòng Sở; Phòng Lao động - Việc làm - Người có công; Phòng Xây dựng chính quyền và Công tác thanh niên; Ban Thi đua - Khen thưởng; Trung tâm Lưu trữ lịch sử; Trung tâm Dịch vụ việc làm; Trung tâm Tiếp đón thân nhân liệt sĩ và Điều dưỡng người có công với cách mạng. Tổng số công chức, viên chức và người lao động của Sở là 89 người, trong đó có 66 công chức, 14 viên chức và 09 lao động hợp đồng. Cơ cấu lãnh đạo gồm 01 Giám đốc Sở và 03 Phó Giám đốc Sở.

II. KẾT QUẢ THANH TRA

Thực hiện Kế hoạch thanh tra được phê duyệt, Thanh tra tỉnh đã tiến hành thanh tra tại Sở Nội vụ đối với 09 nội dung¹, thời kỳ thanh tra từ năm 2022 đến

¹ Công tác quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, viên chức; công tác cán bộ; việc tuyển dụng, tiếp nhận, chuyển chuyển, điều động, biệt phái, hợp đồng lao động; thực hiện nâng ngạch, chuyển ngạch đối với công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; thực hiện chế độ chính sách, tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công

năm 2024. Kết quả cụ thể như sau:

1. Công tác quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, viên chức

1.1. Công tác quản lý tổ chức bộ máy

Thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương, Sở Nội vụ đã tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành 06 Chương trình, Kế hoạch, Đề án² về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Đồng thời, tham mưu UBND tỉnh hoàn thành việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Sở Nội vụ đã ban hành Văn bản số 3037/HD-SNV ngày 15/12/2023 hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Phòng Nội vụ thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên; đồng thời tham mưu UBND tỉnh ban hành Công văn số 67/UBND-NC ngày 10/01/2022 về việc kiện toàn tổ chức bộ máy và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP và Thông báo số 216/TB-UBND ngày 18/01/2023 về việc chia tách, thành lập các cơ quan thực hiện thí điểm mô hình hợp nhất.

*** Hạn chế:**

Qua thanh tra cho thấy, thành phần hồ sơ gửi thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập của một số cơ quan chưa đảm bảo đầy đủ theo quy định, cụ thể: Thiếu dự thảo tờ trình theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ³.

Thời hạn thẩm định hồ sơ tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập của một số cơ quan còn chậm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ⁴.

1.2. Công tác quản lý biên chế

chức, viên chức; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; việc quản lý, sử dụng ngân sách.

² Kế hoạch số 2036/KH-UBND ngày 04/7/2022; Kế hoạch số 2859/KH-UBND ngày 08/9/2022; Kế hoạch số 103- KH/TU ngày 01/8/2023; Kế hoạch số 119-KH/TU ngày 26/01/2024; Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 02/10/2023; Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 12/6/2024

³ Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (Đề án số 2579/ĐA- SLĐTBXH ngày 22/11/2021); Sở Thông tin và Truyền thông (Đề án số 1605/ĐA- STTTT ngày 25/10/2021); Sở Kế hoạch và Đầu tư (Văn bản số 2474/SKHĐT-VP ngày 26/11/2021); Sở Tư pháp (Văn bản số 1679/STP-VP ngày 09/12/2021); huyện Nậm Pồ (Đề án số 2460/ ĐA-UBND ngày 29/11/2021) ; huyện Mường Nhé (Đề án số 2243/ ĐA-UBND ngày 01/12/2021); huyện Mường Ảng (Đề án số 580/ĐA-UBND ngày 03/4/2023); huyện Mường Chà (Đề án số 391/ĐA-UBND ngày 21/3/2023).

⁴ Sở Nông nghiệp & PTNN (Tờ trình số 2439/TTr-SNN ngày 21/10/2021), Sở Nội vụ ban hành Văn bản thẩm định số 78/ SNV-TCBC&TCPCP ngày 13/01/2022; Sở Thông tin và Truyền thông (Đề án số 1605/ĐA-STTTT ngày 25/10/2021), Sở Nội vụ ban hành Văn bản thẩm định số 32/ SNV-TCBC&TCPCP ngày 06/01/2022; Sở KH&CN (Văn bản số 940/TTr-SKH&CN ngày 28/10/2021), Sở Nội vụ ban hành Văn bản thẩm định số 34/ SNV-TCBC&TCPCP ngày 06/01/2022.

Năm 2022, Sở đã tham mưu UBND tỉnh xây dựng, trình Bộ Nội vụ kế hoạch biên chế công chức, kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định⁵; tham mưu cho Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh, UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 76-KH/TU ngày 12/12/2022 về quản lý, sử dụng và tinh giản biên chế giai đoạn 2022 - 2026.

Tổ chức thẩm định, tổng hợp, xây dựng kế hoạch trình UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tham mưu trình HĐND tỉnh, UBND tỉnh quyết định giao biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc giao chỉ tiêu thực hiện hợp đồng lao động làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực giáo dục do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Điện Biên, năm học 2024 – 2025.

*** Hạn chế:**

- Qua thanh tra cho thấy, việc tham mưu giao bổ sung số lượng người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo tại các huyện, thị xã, thành phố năm học 2022–2023 đối với cấp mầm non chưa tách số giao của nhà trẻ và số giao của mẫu giáo⁶ theo quy định tính định mức giáo viên tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ.

- Năm 2023 Sở Nội vụ chưa ban hành văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch biên chế công chức, kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và các hội theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh.

1.3. Về vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, viên chức:

Hàng năm, Sở Nội vụ đã ban hành văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng đề án vị trí việc làm. Thẩm định và tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt vị trí việc làm đối với Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các đơn vị sự nghiệp thuộc các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và 129 xã, phường trên địa bàn tỉnh.

Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 2859/KH-UBND ngày 08/9/2022 về triển khai xây dựng Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ giai đoạn 2022-2026; thẩm định, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt Đề án tự chủ của 06/06 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh giai đoạn 2023- 2026⁷; đồng thời chỉ đạo các cơ quan,

⁵ Văn bản số 1206/UBND-NC ngày 27/4/2021 của UBND tỉnh về số lượng người làm việc, hợp đồng lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022; Văn bản số 1601/UBND-NC ngày 31/5/2021 về kế hoạch biên chế công chức các cơ quan, tổ chức hành chính năm 2022.

⁶ Chưa tách riêng số giao của giáo viên nhà trẻ với giáo viên mẫu giáo mà giao chung thành mục giáo viên mầm non.

⁷ Bao gồm: Ban QLDA các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, Ban QLDA các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh, Ban QLDA các công trình giao thông tỉnh, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên, Trường Cao đẳng Nghề Điện Biên, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

đơn vị, địa phương phê duyệt Đề án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo quy định.

*** Hạn chế:**

Việc thẩm định đề án vị trí việc làm năm 2024 của một số cơ quan, tổ chức còn chậm theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ⁸

Hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án vị trí việc làm của một số đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022 - 2023 thiếu bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ; bản mô tả vị trí việc làm năm 2022 - 2023 của một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh nêu yêu cầu về trình độ chuyên môn còn chưa cụ thể⁹; bản mô tả trình độ chuyên môn vị trí việc làm Văn thư viên năm 2024 của các cơ quan chưa nêu đầy đủ về trình độ chuyên ngành theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ (sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 15/8/2022)¹⁰.

2. Thực hiện công tác cán bộ

Trong giai đoạn từ năm 2022- 2024, Sở Nội vụ đã xem xét, thẩm định, cho ý kiến và thông báo về công tác cán bộ (bổ nhiệm, bổ nhiệm lại) đối với 160 trường hợp lãnh đạo cấp trưởng phòng và tương đương thuộc các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện (Năm 2022: 54 trường hợp; Năm 2023: 45 trường hợp; Năm 2024: 61 trường hợp). Về cơ bản các trường hợp bổ nhiệm, bổ nhiệm lại được thực hiện đúng quy trình; bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm theo quy định.

*** Hạn chế:**

Qua kiểm tra 23 hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức vụ trưởng phòng và tương đương cho thấy một số hồ sơ còn thiếu thành phần và nội dung chưa đảm bảo¹¹ theo quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ); Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển

⁸ (1) Sở Công thương trình thẩm định ngày 15/8/2023 (Tờ trình số 1381/TTr-SCT), Sở Nội vụ trình phê duyệt ngày 05/2/2024 (Tờ trình số 127/TTr-SNV); (2) Sở Kế hoạch và Đầu tư trình thẩm định ngày 12/12/2023 (Văn bản số 2632/SKHĐT-VP), Sở Nội vụ trình phê duyệt ngày 13/3/2024 (Tờ trình số 209/TTr-SNV); (3) Thanh tra tỉnh trình thẩm định ngày 14/12/2023 (Đề án số 914/ĐA-TTr), Sở Nội vụ trình phê duyệt ngày 18/3/2024 (Tờ trình số 209/TTr-SNV); (4) Ban Dân tộc trình thẩm định ngày 04/12/2023 (Văn bản số 926/BDT-VP), Sở Nội vụ trình phê duyệt ngày 18/3/2023 (Tờ trình số 211/TTr-SNV).

⁹ Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Y tế; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Thông tin và Truyền thông.

¹⁰ Bản mô tả chỉ nêu: "...có bằng tốt nghiệp đại học và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp" thiếu nội dung: "Có bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành hoặc chuyên ngành văn thư hành chính, văn thư - lưu trữ, lưu trữ."

¹¹ Thiếu Tờ trình đề nghị bổ nhiệm; thiếu bản tổng hợp kết quả kiểm phiếu, bản nhận xét, đánh giá của chi bộ, đảng ủy cơ quan nơi đang công tác; thiếu nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo cơ quan, tổ chức; thiếu ý kiến bằng văn bản của cấp ủy cơ quan về nhân sự được đề nghị bổ nhiệm...

dụng, sử dụng và quản lý viên chức (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ).

3. Thực hiện nâng ngạch, chuyển ngạch đối với công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

Đã tham mưu UBND tỉnh tổ chức các kỳ thi, xét nâng ngạch, thăng hạng; cử công chức, viên chức dự thi nâng ngạch, thi thăng hạng đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và cơ bản đảm bảo đúng quy định pháp luật. Kết quả:

- Năm 2022: Tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức cho 483 trường hợp, trong đó 447 người trúng tuyển; Cử 07 công chức dự thi nâng ngạch lên chuyên viên chính, 07 người đạt.

- Năm 2023: Cử 13 người dự thi nâng ngạch lên chuyên viên cao cấp, 12 người đạt; Cử 04 viên chức dự thi thăng hạng kỹ sư chính, 03 người đạt.

- Năm 2024: Tổ chức thi nâng ngạch lên chuyên viên chính, thanh tra viên chính cho 142 người, trong đó 91 người trúng tuyển; Cử 02 công chức dự xét nâng ngạch lên thanh tra viên chính tại Ninh Thuận, cả 02 đều đạt; Xét nâng ngạch cho 66 công chức, có 58 người đạt ở các ngạch tương ứng.

Thực hiện Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh Điện Biên, theo phân cấp quản lý, Sở đã phê duyệt đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV và tương đương lên hạng III và tương đương cho 10 cơ quan, đơn vị, địa phương.

*** Hạn chế:**

Qua kiểm tra 140 bộ hồ sơ dự thi, xét nâng ngạch, thăng hạng cho thấy một số hồ sơ còn thiếu thành phần¹² theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ.

4. Thực hiện tuyển dụng, tiếp nhận, chuyển chuyển, điều động, biệt phái, hợp đồng lao động

4.1. Việc tuyển dụng công chức, viên chức

*** Kết quả tuyển dụng:**

- Năm 2022: Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức 18 đợt tuyển dụng công chức với 64 người trúng tuyển và 21 đợt tuyển dụng viên chức với 376 người trúng tuyển.

- Năm 2023: Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức 10 đợt tuyển dụng công chức (theo các Quyết định được phê duyệt trước ngày 31/12/2022) với 27 người trúng tuyển và 42 đợt tuyển dụng viên chức với 680 người trúng tuyển.

- Năm 2024: UBND tỉnh đã tổ chức 01 đợt tuyển dụng công chức tập trung toàn tỉnh với 16 người trúng tuyển khỏi Nhà nước; các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức 22 đợt tuyển dụng viên chức với 557 người trúng tuyển.

*** Hạn chế:**

- Qua thanh tra cho thấy việc ban hành văn bản hướng dẫn tuyển dụng công

¹² Sơ yếu lý lịch chưa ghi thời gian xác nhận của cơ quan quản lý, sử dụng công chức; Bản nhận xét đánh giá của cơ quan sử dụng công chức, viên chức và Sơ yếu lý lịch cán bộ, công chức chưa có xác nhận của cơ quan quản lý, sử dụng công chức

chức, viên chức còn chậm so với quy định¹³. Một số đợt tuyển dụng công chức, viên chức năm 2022 thời gian thẩm định phê duyệt phương án của Sở còn chậm theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 31/5/2010 của UBND tỉnh¹⁴.

- Việc tham mưu phân cấp tuyển dụng viên chức theo điểm c khoản 3 Điều 20 và điểm b khoản 3 Điều 21 Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh còn thiếu nội dung quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.¹⁵

- Việc thẩm định, phê duyệt ngành, chuyên ngành trong kế hoạch tuyển dụng công chức, viên chức của một số cơ quan, đơn vị chưa đầy đủ theo quy định tại Quyết định số 3411/QĐ-UBND ngày 31/12/2021, Quyết định số 2397/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về Phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Điện Biên và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

- Kế hoạch tuyển dụng công chức, viên chức của các Sở, Ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố chưa xác định tỷ lệ biên chế hợp lý trong tổng số biên chế đã được cấp có thẩm quyền giao để tổ chức tuyển dụng người dân tộc thiểu số vào làm công chức, viên chức theo mục 3 văn bản số 1511/UBND-NC ngày 08/6/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc “xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số”, đảm bảo tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số theo quy định tại Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới.

- Chưa tổ chức thực hiện đầy đủ việc thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi tổ chức tuyển dụng đối với các ngành, các huyện, thị xã, thành phố theo quy định tại khoản 5 Điều 17 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 31/5/2010 của UBND tỉnh, khoản 12 Điều 19 Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh¹⁶.

4.2. Tiếp nhận vào làm công chức

¹³ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức có hiệu lực thi hành từ 01/12/2020; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức có hiệu lực thi hành từ 29/9/2020 nhưng tới ngày 14/9/2022 Sở Nội vụ mới ban hành văn bản 1828/SNV-CCVC để hướng dẫn một số nội dung trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện.

¹⁴ QĐ 1513/QĐ-SNV ngày 16/03/2022; QĐ 2342/QĐ-SNV ngày 13/06/2022; QĐ 35/QĐ-SNV ngày 14/01/2022; QĐ 2972/QĐ-SNV ngày 30/06/2022; QĐ 6010/QĐ-SNV ngày 06/12/2022; QĐ 6088/QĐ-SNV ngày 26/12/2022; QĐ 4322/QĐ-SNV ngày 06/10/2022; QĐ 3480/QĐ-SNV ngày 24/08/2022; QĐ 2395/QĐ-SNV ngày 22/06/2022; QĐ 2419/QĐ-SNV ngày 28/06/2022; QĐ 2383/QĐ-SNV ngày 22/06/2022; QĐ 2969/QĐ-SNV ngày 30/06/2022; QĐ 34/QĐ-SNV ngày 13/01/2022; QĐ 1977/QĐ-SNV ngày 23/05/2022; QĐ 97/QĐ-SNV ngày 31/01/2023; QĐ 6007/QĐ-SNV ngày 02/12/2022; QĐ 5027/QĐ-SNV ngày 07/11/2022.

¹⁵ “Đối với đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện việc tuyển dụng viên chức”.

¹⁶ Trong giai đoạn 2022-2024 Sở Nội vụ đã thành lập 24 đoàn kiểm tra (vòng 2) kỳ thi tuyển dụng công chức, viên chức tại các đơn vị/113 đợt tuyển dụng công chức, viên chức.

*** Kết quả tiếp nhận vào làm công chức:**

- Năm 2022: Tiếp nhận vào làm công chức đối với 24 trường hợp.
- Năm 2023: UBND tỉnh tổ chức 01 đợt tiếp nhận vào làm công chức đối với trường hợp phải thành lập Hội đồng Kiểm tra, sát hạch với 21 người trúng tuyển. Sở Nội vụ quyết định tiếp nhận vào làm công chức đối với 08 trường hợp không phải thành lập Hội đồng Kiểm tra, sát hạch sau khi có ý kiến của UBND tỉnh.
- Năm 2024: Sở Nội vụ quyết định tiếp nhận vào làm công chức đối với 11 trường hợp không phải thành lập Hội đồng Kiểm tra, sát hạch sau khi có ý kiến của UBND tỉnh.

*** Hạn chế:**

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành 02 quyết định thành lập hội đồng kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào làm công chức chưa đảm bảo thành phần theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ¹⁷.
- Hồ sơ đề nghị tiếp nhận công chức một số trường hợp chưa đầy đủ, đảm bảo theo quy định theo khoản 3 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ¹⁸.

4.3. Thuyên chuyển, điều động, biệt phái

Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2024 đã thực hiện điều động, thuyên chuyển, biệt phái đối với 777 công chức, viên chức, trong đó:

- Năm 2022: 195 người (nội tỉnh: chuyển công tác, tiếp nhận viên chức 91 người; điều động, tiếp nhận công chức 18 người; điều động công chức sang làm viên chức 09 người; ngoại tỉnh: chuyển công tác đối với công chức, viên chức 64 người; biệt phái công chức, viên chức 13 người).
- Năm 2023: 302 người (nội tỉnh: chuyển công tác, tiếp nhận viên chức 182 người; điều động, tiếp nhận công chức 20 người; điều động công chức sang làm viên chức 09 người; ngoại tỉnh: chuyển công tác đối với công chức, viên chức 79 người; biệt phái công chức, viên chức 12 người).
- Năm 2024: 280 người (nội tỉnh: chuyển công tác, tiếp nhận viên chức 111 người; điều động, tiếp nhận công chức 12 người; điều động công chức sang làm viên chức 08 người; ngoại tỉnh: chuyển công tác đối với công chức, viên chức 86 người; biệt phái công chức, viên chức 63 người).

Việc thực hiện cơ bản đảm bảo theo thẩm quyền quy định tại Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 31/5/2010 của UBND tỉnh, Quyết định số

¹⁷ QĐ 1533/QĐ-UBND ngày 26/08/2022: 2 Phó Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh làm phó chủ tịch hội đồng. Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức- Quản trị làm ủy viên; QĐ 1655/QĐ-UBND ngày 13/09/2022: Phó Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo làm Phó chủ tịch hội đồng; trưởng phòng Tổ chức cán bộ làm ủy viên kiêm thư ký. Theo quy định thành phần Hội đồng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng; Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng; Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức thuộc bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng; Các ủy viên khác là đại diện lãnh đạo của một số bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định.

¹⁸ Hồ sơ của Nguyễn Văn Hiếu, Lò Thị Hồng Nhung, Tô Tổ Tâm, Tòng Văn Mạnh, Nguyễn Thị Thanh Huyền bản tự nhận xét, đánh giá thiếu nội dung, hồ sơ của Máo Thị Loan thiếu giấy khám sức khỏe.

45/2022/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc tỉnh Điện Biên.

4.4. Hợp đồng lao động

Trong giai đoạn 2022-2024, các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên không sử dụng hợp đồng lao động làm chuyên môn nghiệp vụ.

5. Thực hiện chế độ chính sách, tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

5.1. Tham mưu giải quyết chế độ, chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế.

Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế đến các đơn vị trên địa bàn¹⁹ và ban hành theo thẩm quyền văn bản hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện việc tinh giản biên chế²⁰ theo quy định. Tiếp nhận, thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt 262 hồ sơ thực hiện chế độ tinh giản biên chế²¹.

Đã phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện việc chi trả chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế theo quy định. Tổng số kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế thực hiện trong giai đoạn 2022-2024 trên địa bàn tỉnh là 42.161.536.523 đồng.

*** Hạn chế:**

- Qua kiểm tra 119 bộ hồ sơ giải quyết chế độ theo chính sách tinh giản biên chế cho thấy có 05 bộ hồ sơ còn thiếu thủ tục theo quy định mục 7 phần VI Kế hoạch số 2152/KH-UBND ngày 10/6/2015 của UBND tỉnh Điện Biên²².

- Tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện tinh giản biên chế chậm²³ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày

¹⁹ Văn bản số 1029/UBND-NC ngày 16/4/2019 về việc triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ; Văn bản số 4337/UBND-NC ngày 16/11/2020 về việc tiếp tục triển khai thực hiện việc tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ chính trị và Chỉ thị số 02-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 4671/UBND-NC ngày 18/12/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP về chính sách tinh giản biên chế; Văn bản số 3152/UBND-NC ngày 25/7/2023 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế; Văn bản số 2608/UBND-NC ngày 13/6/2024 về việc triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

²⁰ Văn bản số 1293/SNV-CCVC ngày 16/8/2018 về việc thực hiện tinh giản biên chế hàng năm và rà soát điều chỉnh đề án tinh giản biên chế; Văn bản số 1205/SNV-TCBC&TCPCP ngày 22/7/2021 về việc tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2022 – 2025; Văn bản số 2314/SNV-CCVC ngày 16/11/2022 về việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế; Văn bản số 2329/SNV-CCVC ngày 17/11/2022 về việc đánh giá việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế, chính sách thôi việc đối với cán bộ, công chức, viên chức.

²¹ Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 10/01/2022; Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 05/7/2022; Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 14/9/2022; Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 05/01/2023; Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 02/3/2023; Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 30/6/2023; Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 14/9/2023; Quyết định số 2170/QĐ-UBND ngày 28/12/2023; Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 04/7/2024.

²² Thiếu biên bản họp xét của đơn vị

²³ Báo cáo số 2425/UBND-NC ngày 02/8/2022 báo cáo kết quả thực hiện tinh giản biên chế đợt 1 năm 2022; Báo cáo số 785/UBND-NC ngày 10/3/2023 báo cáo kết quả thực hiện tinh giản biên chế đợt 2 năm 2022;

31/8/2018 của Chính phủ.

5.2. Tham mưu thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ diện tinh quân lý (nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, nâng mức thâm niên vượt khung và các chế độ, chính sách về tiền lương, phụ cấp).

Công tác tham mưu thực hiện nâng bậc lương thường xuyên được thực hiện bảo đảm đúng quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức và người lao động; Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ sửa đổi bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Việc xét duyệt nâng bậc lương trước thời hạn đảm bảo nguyên tắc không quá 10% tổng số biên chế trả lương của đơn vị.

Từ năm 2022-2024 tổng số cán bộ, công chức, viên chức được xét nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, nâng mức thâm niên vượt khung là 192 người trong đó: Nâng lương thường xuyên 90 người; nâng lương trước thời hạn 55 người; nâng mức thâm niên vượt khung 47 người.

*** Hạn chế:**

Một số hồ sơ đề nghị xét nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức của các đơn vị còn chưa đầy đủ theo quy định tại Hướng dẫn số 782/SNV-CCVC ngày 03/6/2019 của Sở Nội vụ về việc nâng lương thường xuyên, nâng mức phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức diện tinh úy quân lý²⁴.

5.3. Tham mưu thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch²⁵; tham mưu UBND tỉnh Báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gửi Bộ Nội vụ²⁶ theo quy định.

Giai đoạn 2022-2024, các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh đã cử 64.668 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng

²⁴ Thiếu biên bản họp xét nâng lương; thiếu tài liệu, hồ sơ minh chứng thành tích kèm theo đối với các trường hợp nâng bậc lương trước thời hạn.

²⁵ Kế hoạch số 411/KH-UBND ngày 15/02/2021 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 4430/KH-UBND ngày 30/12/2021 Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022; Kế hoạch số 4194/KH-UBND ngày 27/12/2022 Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023; Kế hoạch số 6202/KH-UBND ngày 28/12/2023 Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Điện Biên năm 2024.

²⁶ Báo cáo số 119/BC-UBND ngày 11/01/2023 kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022; Báo cáo số 220/BC-UBND ngày 15/01/2024 kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023; Báo cáo số 245/BC-UBND ngày 17/01/2025 kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024.

về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, trong đó: Sở Nội đã trực tiếp tổ chức tổ chức 28 lớp bồi dưỡng với tổng số tiền là: 1.500.000.000 đồng.

*** Hạn chế:**

Chưa thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 03/12/2019 của UBND tỉnh.

6. Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã

6.1. Việc tham mưu cho cấp có thẩm quyền triển khai thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ; Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND ban hành Nghị quyết²⁷ để tổ chức thực hiện; tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch²⁸ và Quyết định để cụ thể hoá các quy định theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ, Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã²⁹.

Tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 167/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về quyết định số lượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh năm 2024, cụ thể:

- Số cán bộ, công chức cấp xã giao năm 2024 là 2.709 người (đối với phường: loại I là 23 người, loại II là 21 người, loại III là 19 người; đối với xã, thị trấn: loại I là 22 người, loại II là 20 người, loại III là 18 người) đã trừ 01 Trưởng Công an xã do toàn tỉnh có 100% xã, thị trấn được bố trí công an chính quy.

- Số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên toàn tỉnh năm

²⁷ Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 26/8/2019 Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố; Mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh quy định về chức danh, việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

²⁸ Kế hoạch số 3232/KH-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ

²⁹ Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 27/9/2019, Quyết định số 84/2023/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố; Mức khoán kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; Mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên nhằm cụ thể hóa các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Quyết định số 04/2022/QĐ UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh về Ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 45/2022/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc tỉnh Điện Biên; Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiêu chuẩn, bầu cử, tuyển chọn, tiếp nhận, quản lý, sử dụng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 của UBND tỉnh ban hành quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức cấp xã và ngành đào tạo đối với các chức danh công chức cấp xã; Quy chế tổ chức tuyển dụng đối với các chức danh công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2024 là 1.668 người, Cấp xã loại I tối đa 12 người, cấp xã loại II, loại III tối đa 10 người.

6.2. Việc tham mưu quản lý, sử dụng và giải quyết chế độ chính sách đối với CBCC cấp xã

- Sở Nội vụ đã tham mưu, hướng dẫn và tổ chức thực hiện đồng bộ các nội dung quản lý đối với cán bộ, công chức cấp xã. Cụ thể, đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 về Quy chế quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; hằng năm ban hành văn bản hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức³⁰; hướng dẫn xây dựng, tổng hợp và tham mưu ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã³¹.

- Trong giai đoạn 2022-2024, Sở đã tiếp nhận, thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt giải quyết cho 30 trường hợp nghỉ việc theo chế độ tinh giản biên chế với tổng kinh phí thực hiện là 3.003.659.939 đồng.

- Sở Nội vụ đã thực hiện cho ý kiến đối với công tác cán bộ theo thẩm quyền, gồm: cho ý kiến trước khi điều động, luân chuyển 16 trường hợp cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện về công tác tại cấp xã; cho ý kiến đối với 369 nhân sự ứng cử để bầu các chức danh cán bộ cấp xã; cho ý kiến tiếp nhận vào làm công chức cấp xã và cho ý kiến đối với cán bộ, công chức cấp xã chuyển công tác ra ngoài địa bàn tỉnh đối với 20 trường hợp, bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

³⁰ Công văn số 2163/SNV-CCVC, ngày 02/11/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022; Công văn số 2914/SNV-CCVC, ngày 05/12/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023; Công văn số 2760/SNV-CCVC, ngày 11/11/2024 của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024.

Kết quả xếp loại, đánh giá đối với CBCC cấp xã: Năm 2022: Tổng số CBCC cấp xã được đánh giá là: 2.584 người, trong đó: HTXSNV là 370 người chiếm 14,32 %; HTNV là 2.085 người chiếm 80,69 %; HTNV là 67 người chiếm 2,59 %; KHTNV là 26 người chiếm 1,01 %. Số CBCC cấp xã chưa được đánh giá do chưa đủ thời gian là: 36 người chiếm 1,39 %. Năm 2023: Công chức cấp xã được đánh giá, xếp loại cùng với công chức cấp huyện; Cán bộ cấp xã được xếp loại, đánh giá là: 1.331 người, trong đó: HTXSNV là 197 người chiếm 14,8 %; HTNV là 1.089 người chiếm 81,82 %; HTNV là 33 người chiếm 2,48 %; KHTNV là 12 người chiếm 0,9 %. Năm 2024: Công chức cấp xã được đánh giá, xếp loại cùng với công chức cấp huyện; Cán bộ cấp xã được xếp loại, đánh giá là: 1.340 người, trong đó: HTXSNV là 182 người chiếm 13,58 %; HTNV là 1.129 người chiếm 84,25 %; HTNV là 18 người chiếm 1,34 %; KHTNV là 11 người chiếm 0,82 %.

³¹ Kế hoạch 4430/KH-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Điện Biên, Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022; Kế hoạch 4194/KH-UBND ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh Điện Biên, Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023; Kế hoạch 6202/KH-UBND ngày 28/12/2023 của UBND tỉnh Điện Biên, Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Điện Biên năm 2024.

Kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBCC cấp xã: Năm 2022: Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: Công chức: 1.377 lượt người; Cán bộ chuyển trách: 1.381 lượt người; cán bộ không chuyển trách: 767 lượt người. Kết quả thực hiện³¹: Công chức: 1.494 lượt người; Cán bộ chuyển trách: 1.410 lượt người; cán bộ không chuyển trách: 835 lượt người. Năm 2023: Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: Công chức: 1.080 lượt người; Cán bộ chuyển trách: 951 lượt người; cán bộ không chuyển trách: 644 lượt người. Kết quả thực hiện³¹: Công chức: 1.283 lượt người; Cán bộ chuyển trách: 973 lượt người; cán bộ không chuyển trách: 644 lượt người. Năm 2024: Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng: Công chức: 1.234 lượt người; Cán bộ chuyển trách: 1056 lượt người; cán bộ không chuyển trách: 525 lượt người. Kết quả thực hiện³¹: Công chức: 1.332 lượt người; Cán bộ chuyển trách: 899 lượt người; cán bộ không chuyển trách: 742 lượt người.

- Hằng năm, Sở đã lồng ghép nội dung thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã vào nội dung thanh tra công tác nội vụ tại UBND các huyện, thị xã, thành phố. Qua thanh tra đã chỉ ra các tồn tại hạn chế, kiến nghị biện pháp khắc phục trong tổ chức thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã³².

*** Hạn chế:**

Một số hồ sơ giải quyết chế độ theo chính sách tinh giản biên chế còn thiếu thành phần hồ sơ theo quy định mục 7 phần VI Kế hoạch số 2152/KH-UBND ngày 10/6/2015 của UBND tỉnh Điện Biên³³.

7. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

7.1. Thực hiện pháp luật về tiếp công dân

Sở Nội vụ đã ban hành nội quy, quy chế tiếp công dân, Thông báo lịch tiếp công dân hằng năm; bố trí địa điểm tiếp công dân ghép với phòng làm việc của Chánh Thanh tra Sở và trang bị các điều kiện vật chất cần thiết để phục vụ việc tiếp công dân; phân công công chức Thanh tra Sở làm công tác tiếp công dân thường xuyên và mở sổ ghi chép công tác tiếp công dân theo quy định.

Việc tiếp công dân được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định như: Lập biên bản minh chứng tiếp định kỳ của lãnh đạo, mở sổ sách đảm bảo theo quy định; các nội dung tiếp công dân được tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền đảm bảo thời gian theo quy định.

*** Hạn chế:**

- Chưa bố trí phòng tiếp công dân riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ. Lịch tiếp công dân năm 2023 của Sở chưa được công khai trên trang thông tin điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Tiếp công dân.

- Chưa thực hiện chế độ hỗ trợ đối với công chức thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân theo Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 02/01/2018 của UBND tỉnh và Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của Hội Đồng nhân dân tỉnh (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội Đồng nhân dân tỉnh).

- Sổ tiếp công dân và sổ theo dõi đơn ghi chép chưa đầy đủ nội dung³⁴, Sổ theo dõi đơn ghi thiếu 3 đơn³⁵.

³² Kết luận thanh tra số 943/KL-SNV ngày 23/5/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên về việc thanh tra công tác nội vụ tại UBND huyện Mường Chà; Kết luận thanh tra số 1180/KL-SNV ngày 22/6/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên về việc thanh tra công tác nội vụ tại UBND thành phố Điện Biên Phủ; Kết luận thanh tra số 1251/KL-SNV ngày 30/6/2022 của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên về việc thanh tra công tác nội vụ tại UBND huyện Mường Ảng; Kết luận thanh tra số 810/KL-SNV ngày 12/4/2023 của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên về việc thanh tra công tác nội vụ tại UBND huyện Điện Biên; Kết luận thanh tra số 21/KL-TTSNV ngày 03/5/2024 của Thanh tra Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên về việc thanh tra công tác nội vụ tại UBND huyện Mường Nhé; Kết luận thanh tra số 2/KL-TTSNV ngày 18/6/2024 của Thanh tra Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên về việc thanh tra công tác nội vụ tại UBND huyện Tuần Giáo

³³ Có 05 hồ sơ thiếu biên bản họp xét của đơn vị.

³⁴ Sổ tiếp công dân ghi thiếu 02 lượt tiếp công dân (Năm 2023, Sở báo cáo³⁴ đã tiếp 02 công dân, tuy nhiên trong Sổ tiếp công dân không ghi chép việc đã tiếp 02 công dân này)

³⁵ Năm 2022 chưa ghi chép thông tin đơn được UBND tỉnh chuyển tại Văn bản số 2557/UBND-BTCD ngày 11/8/2022; Năm 2023 chưa ghi chép thông tin đơn kiến nghị ngày 13/12/2023 của ông Nguyễn Văn Châu, địa chỉ tổ 6,

7.2. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo

Trong 3 năm, Sở đã tiếp nhận, xử lý 15 đơn (14 đơn kiến nghị, phản ánh, 01 đơn khiếu nại). Trong đó, đơn đủ điều kiện xử lý: 14 đơn (13 đơn kiến nghị, phản ánh, 01 đơn khiếu nại), đơn không đủ điều kiện xử lý: 01 đơn (đơn kiến nghị, phản ánh); đơn thuộc thẩm quyền giải quyết: 07 đơn kiến nghị, phản ánh; đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết: 07 đơn (06 đơn kiến nghị, phản ánh, 01 đơn khiếu nại). Nội dung đơn chủ yếu liên quan đến chế độ, chính sách của công chức, viên chức như chế độ tiền lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, công tác cán bộ; các đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết đã được Sở chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền và lưu đơn.

Các đơn kiến nghị thuộc thẩm quyền đều đã được Sở Nội vụ giải quyết dứt điểm không để tồn đọng kéo dài, khiếu kiện vượt cấp. Trong thời kỳ thanh tra, không phát sinh đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết.

Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo giai đoạn 2022 - 2024 đã được Sở Nội vụ chấp hành cơ bản theo quy định tại Thông tư số 02/2021/TT-TTCT ngày 22/3/2021 và Thông tư số 01/2024/TT-TTCT ngày 20/01/2024 của Thanh tra Chính phủ.

*** Hạn chế:**

Việc tham mưu trả lời 01 đơn kiến nghị được UBND tỉnh giao³⁶ còn chậm thời hạn theo yêu cầu của UBND tỉnh.

8. Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

8.1. Việc xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng hàng năm

Hàng năm, Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch phòng, chống tham nhũng và chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị trực thuộc nghiêm túc triển khai thực hiện. Nội dung các Kế hoạch phòng, chống tham nhũng của Sở được xây dựng cơ bản đã phù hợp với tình hình thực tế cơ quan, các giải pháp đề xuất đã xác định được nội dung, yêu cầu và thời gian thực hiện.

*** Hạn chế:**

Việc ban hành Kế hoạch phòng, chống tham nhũng năm 2022 của Sở còn chậm so với thời hạn yêu cầu theo Kế hoạch³⁷ của UBND tỉnh.

8.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phòng, chống tham nhũng

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng được Sở thực hiện lồng ghép trong các cuộc họp cơ quan; các văn bản, tài liệu liên quan đến phòng, chống tham nhũng được đăng tải trên phần mềm hồ sơ công việc (TDOOffice), trang thông tin điện tử của Sở.

8.3. Việc thực hiện trách nhiệm giải trình theo thẩm quyền

phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Năm 2024 chưa ghi chép thông tin đơn tiêu đề cầu cứu ngày 12/7/2024 của giáo viên thuộc phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nậm Pồ.

³⁶ Văn bản số 2557/UBND-BTCD ngày 11/8/2022.

³⁷ Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 19/01/2022 về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2022 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Trong giai đoạn 2022 - 2024, Sở Nội vụ không nhận được các yêu cầu thực hiện giải trình.

*** Hạn chế:**

Quy chế làm việc³⁸ của Sở chưa quy định việc thực hiện trách nhiệm giải trình; chưa phân công cá nhân hoặc bộ phận tiếp nhận yêu cầu giải trình theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/07/2019 của Chính phủ.

8.4. Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

- Việc công khai, minh bạch ngân sách và quản lý tài sản công: Sở Nội vụ đã ban hành các Quyết định công bố công khai dự toán thu - chi ngân sách nhà nước, công khai quyết toán ngân sách nhà nước; Quy chế làm việc, Quy chế chỉ tiêu nội bộ, Quy chế công tác quản lý, sử dụng tài sản công... và công khai bằng hình thức niêm yết tại trụ sở cơ quan; đăng tải trên Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản, hồ sơ công việc (TDOffice).

- Việc thực hiện công khai, minh bạch các thủ tục hành chính: Sở Nội vụ đã thực hiện công khai các Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở bằng hình thức niêm yết tại trụ sở cơ quan; đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh Điện Biên, trang web dịch vụ công quốc gia để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân dễ dàng tiếp cận, thực hiện.

- Việc thực hiện công khai, minh bạch quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn: Sở Nội vụ đã ban hành Quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan và quán triệt đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động thông qua cuộc họp cơ quan, công khai trên Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản, hồ sơ công việc (TDOffice).

- Việc thực hiện công khai, minh bạch trong tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức: Trong giai đoạn 2022 - 2024, Sở Nội vụ đã tuyển dụng 02 biên chế, thực hiện bổ nhiệm 15 trường hợp (bổ nhiệm lần đầu 07, bổ nhiệm lại 08), việc tuyển dụng, bổ nhiệm đã được Sở thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục theo quy định.

*** Hạn chế:**

- Chưa công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán, thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm) đã được phê duyệt theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Một số quyết định công khai³⁹ ban hành còn chậm so với thời hạn quy định tại Điều 6 Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

- Việc sử dụng các mẫu biểu công khai ngân sách chưa đúng theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về Sửa đổi, bổ sung một số

³⁸ Quyết định số 2379/QĐ-SNV ngày 21/6/2022 về việc ban hành Quy chế làm việc của Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên

³⁹ Quyết định số 31/QĐ-SNV ngày 11/01/2022; Quyết định số 6576/QĐ-SNV ngày 31/12/2022; Quyết định số 1214/QĐ-SNV ngày 31/12/2023; Quyết định số 550/QĐ-SNV ngày 24/9/2024.

điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính⁴⁰.

8.5. Xây dựng, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Sở Nội vụ đã xây dựng và ban hành Quy chế của cơ quan về định mức, tiêu chuẩn, chế độ theo các quy định của pháp luật. Giai đoạn 2022-2024, Sở đã ban hành Quy chế làm việc; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công...Nội dung các quy chế đã quy định điều kiện, thủ tục, tiêu chuẩn, định mức chế độ, chính sách; nội dung Quy chế này đã được công khai trong cơ quan và tới toàn thể công chức, viên chức, người lao động để tổ chức thực hiện, đồng thời gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

8.6. Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

Công chức, viên chức, người lao động của Sở đã thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của cơ quan; quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở....Trong thời kỳ thanh tra, không có trường hợp vi phạm liên quan đến quy tắc ứng xử, việc tặng quà, nhận quà tặng.

8.7. Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn

Hàng năm, Sở đã ban hành Kế hoạch về chuyển đổi vị trí công tác theo danh mục quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BNV ngày 12/3/2022 của Bộ Nội vụ quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực tổ chức cán bộ ở địa phương. Trong giai đoạn 2022-2024, Sở đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với 11 công chức, viên chức theo quy định.

*** Hạn chế:**

Thời gian ban hành các Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác năm 2023, năm 2024 của Sở còn chậm so với thời hạn theo Kế hoạch⁴¹ của UBND tỉnh.

8.8. Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập

Trong giai đoạn 2022 - 2024, Sở đã ban hành 04 Kế hoạch về thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập; phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập; thực hiện bàn giao các bản kê khai tài sản, thu nhập đến các Cơ quan có thẩm quyền kiểm soát tài sản thu nhập; thực hiện công khai các bản kê khai bằng hình thức niêm yết tại trụ sở cơ quan, việc niêm yết đã lập thành biên bản; kết thúc việc kê khai, công khai tài sản đã được Sở báo cáo kết quả thực hiện và gửi cơ quan thẩm quyền theo quy định.

Trong ba năm, số người có nghĩa vụ kê khai và đã thực hiện kê khai, công khai: 112 lượt người (kê khai hàng năm: 101 lượt người; kê khai bổ sung: 11 lượt người). Việc tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập của Sở Nội vụ năm 2022 được giao Văn phòng Sở thực hiện, năm 2023-2024 giao Thanh tra Sở thực hiện. Sở đã tổ chức họp kiểm điểm trách nhiệm đối với 04 cá nhân có tồn tại, hạn chế trong công tác kê khai tài sản bằng hình thức kiểm điểm rút kinh nghiệm theo kết luận

⁴⁰ Biểu số 1, số 2 tại Quyết định số 1214/QĐ-SNV ngày 31/12/2023, mẫu biểu số 2 tại Quyết định số 6576/QĐ-SNV ngày 31/12/2022, mẫu biểu số 4 tại Quyết định số 550/QĐ-SNV ngày 24/9/2024.

⁴¹ Kế hoạch số 327/KH-UBND ngày 06/02/2023; Kế hoạch số 377/KH-UBND ngày 25/01/2024

xác minh của Thanh tra tỉnh⁴² và gửi báo cáo kết quả thực hiện⁴³ theo yêu cầu.

*** Hạn chế:**

Phê duyệt 01 trường hợp kê khai không đúng đối tượng⁴⁴; năm 2023, danh sách người phải kê khai tài sản chưa nêu rõ người phải kê khai hàng năm, bổ sung, lần đầu theo mẫu hướng dẫn tại Văn bản số 813/TTr-NV.II ngày 09/11/2023 của Thanh tra tỉnh; năm 2024 tổ chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập đối với 04 trường hợp kê khai bổ sung⁴⁵ chưa thực hiện theo quy định tại Điều 37, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (người kê khai thực hiện kê khai trước khi được phê duyệt danh sách phải kê khai).

8.9. Việc chấp hành quy định về báo cáo định kỳ, đột xuất, chuyên đề theo yêu cầu của pháp luật và cơ quan có thẩm quyền công tác phòng, chống tham nhũng

Trong giai đoạn 2022-2024, Sở đã ban hành 12 báo cáo định kỳ, đột xuất, chuyên đề về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và gửi các báo cáo đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

8.10. Việc thực hiện các kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra:

Giai đoạn 2022 - 2024, không có các kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra được cơ quan thẩm quyền ban hành yêu cầu Sở Nội vụ phải thực hiện.

9. Việc quản lý, sử dụng Ngân sách

9.1. Số liệu đơn vị báo cáo

Tổng ngân sách đơn vị được giao từ năm 2022 đến năm 2024 là: **49.769.636.525 đồng**, trong đó:

- Nguồn chi thường xuyên trong 3 năm đơn vị được giao: **33.391.636.525 đồng** (năm 2022: 9.944.000.000 đồng, năm 2023: 10.269.000.000 đồng, năm 2024: 13.178.636.525 đồng).

- Nguồn chi không thường xuyên trong 3 năm đơn vị được giao: **15.733.000.000 đồng** (năm 2022: 2.948.000.000 đồng, năm 2023: 6.070.000.000 đồng, năm 2024: 6.715.000.000 đồng).

- Nguồn chi cải cách tiền lương trong 3 năm đơn vị được giao: **645.000.000 đồng** (năm 2022: 273.000.000 đồng, năm 2023: 372.000.000 đồng, năm 2024: không giao)

(có biểu chi tiết kèm theo)

9.2. Việc chấp hành các quy định trong lập, phân bổ dự toán, quyết toán ngân sách hàng năm

Hàng năm, Sở đã thực hiện lập dự toán thu chi ngân sách, trong đó đã xác định rõ phần chi thực hiện chế độ tự chủ và phần chi không tự chủ; có thuyết minh chi tiết nội dung công việc gửi Sở Tài chính tổng hợp, thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền phân bổ theo quy định.

⁴² Kết luận số 498/KL-TTr ngày 24/7/2023; Kết luận số 499/KL-TTr ngày 24/7/2023; Kết luận số 500/KL-TTr ngày 24/7/2023; Kết luận số 501/KL-TTr ngày 24/7/2023;

⁴³ Báo cáo số 1832/BC-SNV ngày 08/8/2023.

⁴⁴ Bà Lê Thị Xiêm - Kế toán Trung tâm Lưu trữ lịch sử không thuộc đối tượng phải kê khai theo quy định tại khoản 1, Điều 10, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ

⁴⁵ Theo Quyết định số 04/QĐ-SNV ngày 08/01/2025 của Sở Nội vụ

Đơn vị đã thực hiện chế độ kế toán, hạch toán và sử dụng chứng từ theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; sử dụng thống nhất mẫu chứng từ bắt buộc, tự thiết kế mẫu chứng từ nội bộ để phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Công tác kế toán được mở sổ, ghi chép, phản ánh và lưu trữ đầy đủ các nghiệp vụ thu – chi, bảo đảm theo niên độ ngân sách theo quy định.

Kết thúc năm ngân sách, Sở đã thực hiện thẩm định quyết toán nguồn kinh phí đã phân bổ cho các đơn vị trực thuộc, lập báo cáo quyết toán gửi Sở Tài chính thẩm định theo quy định tại Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính Quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

9.3. Việc chấp hành pháp luật về kế toán, quản lý, sử dụng ngân sách

a) Ưu điểm:

Việc chi tiền lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo lương đã được đơn vị thực hiện theo các quy định của pháp luật; chi mua sắm hàng hoá, dịch vụ, chi thường xuyên khác ngoài lương; chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; chi cải cách hành chính và các nội dung chi thường xuyên khác của Sở Nội vụ cơ bản đã tuân thủ các quy định của Nhà nước về định mức, tiêu chuẩn, đáp ứng yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của Sở.

Qua kiểm tra thực tế việc đầu tư sửa chữa trụ sở làm việc từ nguồn ngân sách giao năm 2022, việc mua sắm một số trang thiết bị làm việc, công tác chỉnh lý hồ sơ, tài liệu, việc trang bị thiết bị phục vụ công tác số hóa và thực hiện số hóa tài liệu thuộc dự án số hóa tài liệu năm 2024, cùng một số nội dung có liên quan cho thấy đơn vị đã tổ chức triển khai, thực hiện phù hợp với hồ sơ, tài liệu và chứng từ thanh toán.

b) Hạn chế:

- Chưa lập sổ quỹ tiền mặt, sổ tài sản cố định theo quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

- Chứng từ thanh toán lương một số tháng thiếu bảng chấm công; Đơn vị sử dụng hình thức chi tiền mặt đối với các nội dung thanh toán cho cá nhân như chi công tác phí, làm thêm giờ, hỗ trợ ngày lễ tết... chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 136/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống kho bạc nhà nước.

- Một số nội dung chi ngân sách còn vượt định mức, sai chế độ, cụ thể:

- + Thanh toán tiền phòng nghỉ cho công chức đi công tác tại các huyện trong tỉnh vượt định mức theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 02/01/2018 của UBND tỉnh với số tiền 40.100.000 đồng.

- + Thanh toán phụ cấp khu vực và phụ cấp biên giới cho công chức đi học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Chuyên viên chính tại Hà Nội chưa đúng chế độ quy định tại điểm b khoản 2 mục II Thông tư số 09/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ và điểm c khoản 3 mục II Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-

BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 05/01/2005, với số tiền 8.028.000 đồng.

+ Thanh toán tiền hỗ trợ, thăm hỏi công chức vượt định mức được phê duyệt số tiền 2.800.000 đồng.

* Tổng các khoản chi vượt định mức, sai chế độ trong quản lý, sử dụng ngân sách của đơn vị từ năm 2022 đến năm 2024 là 50.928.000 đồng (*Năm mươi triệu chín trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

9.4. Việc hướng dẫn xây dựng dự toán, kiểm tra thực hiện thu, chi ngân sách, quyết toán ngân sách đối với các đơn vị trực thuộc.

Hàng năm, Sở đã hướng dẫn Trung tâm Lưu trữ lịch sử, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh lập dự toán thu chi ngân sách theo quy định. Ban hành Quyết định phân bổ ngân sách cho 02 đơn vị trực thuộc đảm bảo thời gian, tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách được giao theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 50 Luật ngân sách năm 2015.

Quá trình tổ chức thực hiện, Kế toán Sở đã thường xuyên trao đổi nghiệp vụ với bộ phận phụ trách tài chính - kế toán của các đơn vị trực thuộc. Tham mưu cho lãnh đạo Sở xét duyệt quyết toán ngân sách của 02 đơn vị trực thuộc và thông báo kết quả xét duyệt gửi Trung tâm Lưu trữ Lịch sử, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách thuộc phạm vi được giao quản lý gửi Sở Tài chính thẩm định quyết toán ngân sách theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 44 Luật ngân sách nhà nước năm 2015⁴⁶.

III. KẾT LUẬN NỘI DUNG THANH TRA

1. Ưu điểm

- Sở Nội vụ đã tham mưu UBND tỉnh hoàn thành việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; thực hiện sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức thẩm định, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định và tham mưu giao biên chế, số lượng người làm việc; thẩm định đề nghị phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức theo quy định.

- Thẩm định, thông báo ý kiến bổ nhiệm, bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo cấp trưởng phòng và tương đương thuộc các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện cơ bản đảm bảo theo quy trình, thủ tục và thẩm quyền. Việc tham mưu thực hiện nâng ngạch, chuyển ngạch đối với công chức, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đã được Sở Nội vụ quan tâm tổ chức triển khai thực hiện, qua đó góp phần tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của tỉnh.

- Việc tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức, thuyên chuyển, điều động, biệt phái đã được Sở Nội vụ thực hiện theo đúng thẩm quyền được giao. Đã tham mưu UBND tỉnh thực hiện tương đối đầy đủ, kịp thời, đảm bảo quy định về chế

⁴⁶ Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 giữa Sở Nội vụ và Trung tâm lưu trữ lịch sử ngày 28/4/2023, giữa Sở Nội vụ và Ban Thi đua - Khen thưởng ngày 28/4/2023; Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 giữa Sở Nội vụ và Trung tâm lưu trữ lịch sử ngày 08/3/2024, giữa Sở Nội vụ và Ban Thi đua - Khen thưởng ngày 08/3/2024; Biên bản xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 giữa Sở Nội vụ và Ban Thi đua - Khen thưởng ngày 28/3/2025, giữa Sở Nội vụ và Trung tâm lưu trữ lịch sử ngày 28/02/2025.

độ tinh giản biên chế, chính sách tiền lương và đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức; chế độ đối với cán bộ, công chức cấp xã.

- Công tác tiếp công dân được Giám đốc Sở Nội vụ chỉ đạo, tổ chức thực hiện cơ bản đúng quy định pháp luật. Trong thời kỳ thanh tra, Sở Nội vụ không phát sinh đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền phải giải quyết. Công tác phòng, chống tham nhũng đã được quan tâm tổ chức thực hiện, hàng năm đã ban hành Kế hoạch PCTN, TC; các giải pháp phòng ngừa tham nhũng được triển khai đồng bộ, kịp thời theo quy định.

- Việc quản lý, sử dụng ngân sách của đơn vị từ năm 2022 đến năm 2024 cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Nhà nước về định mức, chế độ, tiêu chuẩn đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị được giao của đơn vị. Công tác kế toán, lưu trữ chứng từ được thực hiện đầy đủ, sử dụng thống nhất mẫu chứng từ bắt buộc, hệ thống tài khoản sử dụng đã phản ánh được tình hình thu, chi và kết quả hoạt động của đơn vị. Công tác báo cáo, quyết toán ngân sách hàng năm và việc thẩm tra quyết toán đối với các đơn vị trực thuộc cơ bản đảm bảo theo quy định.

2. Hạn chế

- Một số hồ sơ của các cơ quan, đơn vị trình thẩm định về sắp xếp tổ chức bộ máy; phê duyệt đề án vị trí việc làm; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; tinh giản biên chế; nâng ngạch, chuyển ngạch, nâng lương công chức, viên chức còn chưa đầy đủ.

- Việc ban hành văn bản hướng dẫn tuyển dụng công chức, viên chức, thẩm định phê duyệt kế hoạch tuyển dụng, đề án vị trí việc làm đối với một số cơ quan, đơn vị còn chậm. Một số nội dung trong xây dựng đề án vị trí việc làm, tuyển dụng công chức, viên chức, tiếp nhận vào làm công chức còn có những thiếu sót; việc giao số người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo các huyện, thị xã, thành phố năm học 2022-2023 chưa tách nhà trẻ với mẫu giáo theo quy định về tính định mức giáo viên.

- Việc bố trí cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ công tác tiếp công dân chưa đảm bảo yêu cầu; lập hồ sơ tiếp công dân, theo dõi đơn thư thực hiện còn thiếu sót; việc tham mưu giải quyết đơn kiến nghị được giao có nội dung còn chậm thời hạn theo yêu cầu của UBND tỉnh. Thực hiện một số nội dung trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực còn chậm, chưa đầy đủ.

- Chưa lập đầy đủ hệ thống sổ kế toán; sử dụng hình thức chi bằng tiền mặt đối với một số nội dung thanh toán cho cá nhân chưa đúng quy định. Việc thanh toán một số khoản phụ cấp lương, chi công tác phí, chi hỗ trợ cho công chức còn vượt định mức, sai chế độ.

3. Nguyên nhân của hạn chế

- Hệ thống văn bản quy định về công tác cán bộ, chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức nhiều, thường xuyên được sửa đổi, bổ sung, khối lượng công việc chuyên môn lớn phần nào cũng ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng tham mưu giải quyết công việc của Thủ trưởng và chuyên viên các phòng chuyên môn.

- Công tác kiểm tra, giám sát nội bộ chưa được chú trọng quan tâm đúng

mức nên không kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế của cá nhân, bộ phận chuyên môn trong thực thi nhiệm vụ, công vụ.

4. Trách nhiệm

Trách nhiệm đối với những khuyết điểm, tồn tại nêu trên thuộc về Giám đốc Sở Nội vụ giai đoạn 2022-2024 chịu trách nhiệm người đứng đầu và các cá nhân được giao phụ trách tham mưu các lĩnh vực trên.

(có phụ lục số 01 kèm theo)

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Trong quá trình thanh tra, Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên đã nghiêm túc thực hiện yêu cầu của Đoàn thanh tra thu, nộp số tiền 50.928.000 đồng chi sai quy định vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Về kinh tế:

Thu hồi nộp ngân sách: **50.928.000 đồng** các khoản chi vượt định mức, sai chế độ *(Sở Nội vụ có trách nhiệm thu hồi số tiền sai phạm nộp vào tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh Điện Biên, số tài khoản 3949.0.1031985.00000, tại kho bạc Nhà nước khu vực X)*.

(có phụ lục số 02 kèm theo)

2. Về trách nhiệm:

Căn cứ các quy định, trách nhiệm và mức độ tồn tại, hạn chế qua thanh tra, Giám đốc Sở Nội vụ chỉ đạo tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với các cá nhân có liên quan đến các tồn tại, hạn chế nêu trên để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục.

3. Về công tác quản lý

- Tiếp tục quán triệt, tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các quy định của pháp luật về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, nâng ngạch, chuyển ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, công tác cán bộ, chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

- Thực hiện đầy đủ chế độ bồi dưỡng đối với công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của Hội Đồng nhân dân tỉnh (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội Đồng nhân dân tỉnh).

- Chấp hành nghiêm túc, đầy đủ về nội dung, hình thức công khai ngân sách theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính. Phân công cá nhân hoặc bộ phận tiếp nhận yêu cầu giải trình theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/07/2019 của Chính phủ. Thực hiện đầy đủ quy định về kê khai, công khai tài sản, thu nhập hằng năm theo quy định tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

- Thực hiện đầy đủ nội dung, phương pháp lập chứng từ, sổ sách kế toán theo quy định tại Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài

chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; kiểm tra, rà soát chặt chẽ chế độ, định mức trước khi thanh toán ngân sách.

Trên đây là Kết luận thanh tra trách nhiệm thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn giai đoạn 2022-2024 tại Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên.

Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Điện Biên có trách nhiệm thực hiện công khai kết luận thanh tra theo quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 37, Luật Thanh tra năm 2025. Kết quả thực hiện kết luận thanh tra được tổng hợp, báo cáo bằng văn bản gửi về Thanh tra tỉnh Điện Biên trước ngày 30/01/2026./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- UBKT Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh (HSCV);
- Phòng: TTr CNNC;
- TTrGSTĐTĐĐ&XLSTTr;
- Cổng thông tin điện tử Thanh tra tỉnh;
- Lưu: VT, HSTTr.

CHÁNH THANH TRA



Vùi Văn Nguyễn

BIỂU TỔNG HỢP NGUỒN KINH PHÍ NGÂN SÁCH
Tại Sở Nội vụ từ năm 2022 – 2024
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 116/KL-TTr ngày 30/12/2025 của Thanh tra tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng.

TT	Chi tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng cộng 3 năm
I	Tổng số thu trong năm	278.400.000	0	128.400.000	406.800.000
1	Phí	0	0	0	0
2	Lệ phí	278.400.000	0	128.400.000	406.800.000
II	Số được khấu trừ, để lại	278.400.000	0	128.400.000	406.800.000
1	Phí	0	0	0	0
2	Lệ phí	278.400.000	0	128.400.000	406.800.000
III	Nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	0
1	Phí	0	0	0	0
2	Lệ phí	0	0	0	0
IV	Nguồn kinh phí Ngân sách				
1	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	273.000.000	206.000.000	479.000.000
	Kinh phí chi thường xuyên	0	0	0	0
	Kinh phí chi không thường xuyên	0	0	206.000.000	206.000.000
	Cải cách tiền lương	0	273.000.000	0	273.000.000
2	Kinh phí được giao trong năm kể cả bổ sung	13.165.000.000	16.711.000.000	19.893.636.525	49.769.636.525
	Kinh phí chi thường xuyên	9.944.000.000	10.269.000.000	13.178.636.525	33.391.636.525
	Kinh phí chi không thường xuyên	2.948.000.000	6.070.000.000	6.715.000.000	15.733.000.000
	Cải cách tiền lương	273.000.000	372.000.000	0	645.000.000
3	Kinh phí được sử dụng trong năm (II+1.IV+2.IV)	13.443.400.000	16.984.000.000	20.228.036.525	50.655.436.525
4	Kinh phí sử dụng đề nghị quyết toán	13.161.818.527	16.721.977.508	19.722.525.343	49.606.321.378
	Kinh phí chi thường xuyên	10.222.400.000	10.269.000.000	13.307.036.525	33.798.436.525
	Kinh phí chi không thường xuyên	2.939.418.527	5.807.977.508	6.415.488.818	15.162.884.853
	Cải cách tiền lương	0	645.000.000	0	645.000.000
5	Kinh phí giảm trong năm	8.581.473	56.022.492	5.511.182	70.115.147
	Kinh phí chi thường xuyên	0	0	0	0
	Kinh phí chi không thường xuyên	8.581.473	56.022.492	5.511.182	70.115.147
	Cải cách tiền lương	0	0		0
6	KP được phép chuyển sang năm sau sử dụng	273.000.000	206.000.000	0	479.000.000
	Kinh phí chi thường xuyên	0	0	0	0
	Kinh phí chi không thường xuyên	0	206.000.000	0	206.000.000
	Cải cách tiền lương	273.000.000	0	0	273.000.000

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 186/KL-TTr ngày 30/12/2025 của Thanh tra tỉnh)

STT	Cơ quan/đơn vị/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Kiến nghị xử lý trách nhiệm			Ghi chú
			Hành chính	Chuyển cơ quan công an	Chuyển cơ quan chức năng khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I	CÁ NHÂN					
1	Ông Trịnh Hoàng Thắng (nguyên Giám đốc Sở Nội vụ giai đoạn 2022-2024)	Trách nhiệm người đứng đầu đối với hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn giai đoạn 2022- 2024 tại Sở Nội vụ.	X			
2	Ông Vũ Minh Hồng (Phó Giám đốc Sở Nội vụ)	Trách nhiệm về những hạn chế, khuyết điểm đối với lĩnh vực, đơn vị trực tiếp phụ trách công tác từ ngày 27/4/2022 đến ngày 31/12/2024	X			
3	Ông Lê Đại Hải (Trưởng phòng Tổ chức, biên chế và tổ chức phi Chính phủ)	Trách nhiệm về những hạn chế, khuyết điểm thuộc lĩnh vực công tác do Phòng tham mưu giai đoạn từ 15/8/2023 đến 31/12/2024.	X			
4	Ông Hoàng Ngọc Liên (Trưởng phòng Công chức, viên chức)	Trách nhiệm về những hạn chế, khuyết điểm thuộc lĩnh vực công tác do Phòng tham mưu giai đoạn 2022-2024	X			



5	Ông Phạm Công Doanh (Nguyên Trưởng phòng Tổ chức, biên chế và tổ chức phi Chính phủ)	Trách nhiệm về những hạn chế, khuyết điểm thuộc lĩnh vực công tác do Phòng tham mưu giai đoạn từ 01/01/2022 đến 14/08/2023	X			
6	Ông Vũ Văn Thịnh (Trưởng Phòng Xây dựng chính quyền và công tác thanh niên)	Trách nhiệm về những hạn chế, khuyết điểm thuộc lĩnh vực công tác do Phòng tham mưu giai đoạn 2022-2024.	X			
7	Ông Nguyễn Mạnh Hùng (Chánh Thanh tra Sở thời kỳ 01/01/2022-15/7/2024.)	Trách nhiệm về những hạn chế, khuyết điểm trong tham mưu, thực hiện công tác tiếp công dân, xây dựng Kế hoạch PCTN; Kế khai tài sản năm 2023.	X			
8	Ông Vũ Văn Mạnh (Chánh Văn phòng Sở thời kỳ 01/01/2022 - 27/8/2024 Chánh Thanh tra Sở thời kỳ 28/8/2024-31/12/2024)	Trách nhiệm về những hạn chế, khuyết điểm trong tham mưu, thực hiện Kế khai tài sản năm 2022, 2024; Công khai ngân sách nhà nước; xây dựng quy chế làm việc.	X			
9	Phạm Thị Kim Quy	Trách nhiệm đối với hạn chế, khuyết điểm trong tham mưu quản lý, sử dụng ngân sách giai đoạn 2022-2024 tại Sở Nội vụ.	X			
II	TỔ CHỨC	Không				

TỔNG HỢP VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ KINH TẾ
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 1886/KL-TTr ngày 30/12/2025 của Thanh tra tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

Đơn vị tính: Đồng

STT	Cơ quan/đơn vị/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Tổng giá trị vi phạm		Kiến nghị xử lý								Ghi chú
			Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Kiến nghị thu hồi				Xuất toán	Giảm trừ quyết toán	Xử lý khác		
					Về ngân sách nhà nước		Về cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phải NSNN)						
					Tiền (Tr.đ)	Nhà, đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)			Tiền (Tr.đ)	Tiền (Tr.đ)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
A	NGUỒN KINH PHÍ CHI THUỜNG XUYÊN		22.978.000		22.978.000								
I	Năm 2022		14.000.000		14.000.000								
1	Phạm Thị Kim Quy	Thanh toán tiền hỗ trợ, thăm hỏi cho công chức vượt Quyết định được phê duyệt	2.800.000		2.800.000								
2	Phạm Thị Kim Quy	Thanh toán công tác phí vượt định mức (tiền thuê phòng nghỉ)	11.200.000		11.200.000								
II	Năm 2023		950.000		950.000								
1	Phạm Thị Kim Quy	Thanh toán công tác phí vượt định mức (tiền thuê phòng nghỉ, thừa ngày)	950.000		950.000								
III	Năm 2024		8.028.000		8.028.000								
1	Hà Thị Thanh Thuý	Thanh toán lương tháng 4, tháng 5 thừa phụ cấp khu vực và phụ cấp biên giới	8.028.000		8.028.000								
B	NGUỒN KINH PHÍ CHI KHÔNG THUỜNG XUYÊN		27.950.000		27.950.000								

	Năm 2022		27.950.000		27.950.000								
	Phạm Thị Kim Quy	Thanh toán công tác phí vượt định mức (tiền thuê phòng nghỉ)	27.950.000		27.950.000								
Tổng cộng (A+B)			50.928.000		50.928.000								